

Bản án số: 44/2020/HS-ST

Ngày: 02/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **An Văn Khoái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Triệu Duy Tỏi** - Cán bộ hưu trí

Bà **Nguyễn Thị Lý** - Giáo viên trường THPT Thanh Miện I.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 28/5/2002 tại tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn Đ L, xã P K, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Phạm Công M**, sinh ngày 04/3/2004 tại tỉnh Hải Dương; HKTT: Thôn Đ L, xã P K, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Thôn Triều Dương, xã C L N, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh B và bà Hoàng Thị N; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người đại diện cho bị cáo H: Bà **Nguyễn Thị Tám** - sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Đ L, xã P K, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện cho bị cáo M: Bà **Hoàng Thị Nhuận** - sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Đ P, xã P K huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện đoàn thanh niên xã C L N: Ông **Vũ Đình Ba** - sinh năm 1984.

Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo H, M: Ông **Phạm Văn Điều** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà **N T L**, sinh năm: 1957; Trú tại: Thôn Đ L, xã P K, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 08/4/2020, Phạm Công M đi bộ sang nhà Nguyễn Văn H chơi. Trong lúc ngồi chơi, H rủ M sang nhà bà N T L, sinh năm 1957 ở thôn Đ L, xã P K, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương để trộm cắp tài sản, M đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H mang theo 01 túi xách màu đen cùng M đi bộ đến cửa hàng tạp hóa của bà L, thấy nhà bà L cửa cổng khóa, cửa nhà được chống bằng thanh sắt và không có người trông coi, H bảo M đứng ngoài cảnh giới, còn H chui qua hàng rào sắt vào trong. Quan sát thấy trong cửa hàng có 01 hòm sắt không khóa, H dùng tay mở cửa hòm lấy 01 túi vải bên trong đựng tiền cho vào trong túi xách H mang theo và tiếp tục lục tìm thì thấy có 01 lọ nhựa đựng các thẻ cào điện thoại. H đổ toàn bộ thẻ cào điện thoại vào trong túi xách, rồi đặt lọ nhựa xuống cạnh hòm sắt. Cùng lúc đó bà L đang đi về nhà, thấy vậy M đứng ngoài nói “anh M ơi, bác L về rồi”, sau đó M bỏ chạy. Nghe thấy vậy, H đi ra phía cửa sau, trèo qua cổng rồi bỏ chạy ra nghĩa trang thôn Đ L cất giấu tài sản vừa trộm cắp được, sau đó đi về nhà. Khi phát hiện bị trộm cắp, bà L đuổi theo M và trình báo với cơ quan Công an. Quá trình điều tra, H và M đã thừa nhận hành vi phạm tội, H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra tài sản đã trộm cắp được gồm: 01 túi vải bên trong có 1.035.000 đồng (Gồm các tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 10.000 đồng, 5.000 đồng) và 78 thẻ nạp điện thoại các loại.

Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐG ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: 78 thẻ nạp điện thoại trị giá 3.540.000 đồng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 44/VKS-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn

H và Phạm Công M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo H, M khai nhận hành vi phạm tội như trên và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52; 90, 91, 98, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, 90, 91, 98, 100 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Công M.

Các Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án lệ phí tòa án;

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Công M phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt:

+ Bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 04 đến 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 08 đến 12 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Bị cáo **Phạm Công M** từ 04 đến 06 tháng cải tạo không giam giữ thời hạn tính từ ngày UBND xã C L N nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo H cho UBND xã P K giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo M cho UBND xã C L N giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về án phí: Các bị phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo H, M:

Xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Các bị cáo khi phạm tội đều chưa đủ 18 tuổi nên đề nghị HĐXX áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại các Điều 90, 91, 98 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 08/4/2020, Phạm Công M đi bộ sang nhà Nguyễn Văn H chơi. Trong lúc ngồi chơi, H rủ M sang nhà bà N T L, sinh năm 1957 ở thôn Đ L, xã P K, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương để trộm cắp tài sản, M đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H và M đi bộ ra cửa hàng tạp hóa của bà N T L, sinh năm 1957 ở thôn Đ L, xã P K, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhằm mục đích trộm cắp tài sản. M đứng ngoài cảnh giới còn H chui qua hàng rào sắt vào trong cửa hàng trộm cắp số tiền 1.035.000 đồng và 78 thẻ nạp điện thoại các loại, trị giá 3.540.000 đồng của bà N T L. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.575.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để chi tiêu, phục vụ nhu cầu của bản thân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lợi dụng lúc chủ sở hữu, người quản lý tài sản không để ý nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, thỏa thuận, phân công từ trước mà chỉ trong lúc ngồi chơi mới nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài. Tuy nhiên HĐXX cùng cần xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê và thực hành tích cực nên giữ vai trò chính, bị cáo M đứng ngoài cảnh giới giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo M được bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do thời điểm phạm tội, bị cáo H quen biết với M từ trước nên biết M chưa đủ 18 tuổi nhưng vẫn rủ rê, xúi giục M đi trộm cắp cùng nên H phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”.

Bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Công M thời điểm phạm tội ngày 08/4/2020 đều chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại chương XII tại các Điều 90, 91, 98, 100 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho UBND xã giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo để trở thành công dân có ích cho xã hội. Cụ thể áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo H, hình phạt cải tạo không giam giữ với bị cáo M là phù hợp với Điều 65, 36, 100 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[6] Vật chứng của vụ án: Đối với tài sản các bị cáo chiếm đoạt, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo H phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, gia đình bị cáo M thuộc hộ nghèo, bị cáo đang là học sinh nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52; 65, 90, 91, 98, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, 90, 91, 98, 100, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Công M.

Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng của án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Công M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **05** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 10 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho UBND xã P K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Phạm Công M 04 tháng cải tạo không giam giữ thời hạn chấp hành hình phạt từ ngày UBND xã C L N nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Công M cho UBND xã C L N, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự cho bị cáo Phạm Công M.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- CQCSĐT-Công an huyện Thanh Miện;
- CQTHAHS-Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái

